

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 11 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị T, sinh năm 1984; *Địa chỉ cư trú:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin xét xử vắng mặt, nhận ngày 03/11/2021)

2. **Bị đơn:** Anh Trương Chí C, sinh năm 1987; *Địa chỉ cư trú:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:** Vào năm 2011 chị và anh Trương Chí C sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, sau khi cưới chị và anh C lên tỉnh Bình Dương để làm thuê, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 26/10/2012 (hiện đang sống với anh C) và Trương Thị Diễm M, sinh ngày

24/02/2018 (hiện đang sống với chị), sau đó đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau hay cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Chí C.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 26/10/2012 và Trương Thị Diễm M, sinh ngày 24/02/2018. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, còn cháu N đồng ý giao cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng;

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Chí C, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phân phân tích nội dung vụ án cho thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phùng Thị T là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phùng Thị T với bị đơn anh Trương Chí C.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu chị Phùng Thị T được tiếp tục nuôi dạy cháu Trương Thị Diễm M, anh Trương Chí C được tiếp tục nuôi dạy cháu Trương Minh N và không bên nào cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị Phùng Thị T và anh Trương Chí C có quyền đến thăm, chăm sóc, nuôi dạy con chung và không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung : Không đề cập giải quyết

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Phùng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Chí C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở sự tự nguyện của chị Phùng Thị T với anh Trương Chí C sống với nhau thành vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/12/2011, nên quan hệ vợ chồng của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị T khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nên đến đầu năm 2019 chị T đã ly thân với anh C cho đến nay. Nay chị T xin được ly hôn với anh C; còn anh C thì không có ý kiến tại tòa. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị T với anh C không còn, cụ thể qua hòa giải Tòa án đã nhiều lần động viên chị T về đoàn tụ lại với anh C, nhưng chị T kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù không có ý kiến của anh C, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị T, anh C đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được (đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, cả hai không tìm đến nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng), nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh C.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị T khai và tài liệu có trong hồ sơ thì có 02 con chung với anh C, tên Trương Minh N, sinh ngày 26/10/2012 (Hiện đang sống với anh C) và Trương Thị Diễm M, sinh ngày 24/02/2018 (Hiện đang sống với chị) và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, còn cháu N đồng ý giao cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: mặc dù chưa có ý kiến của anh C, nhưng thực tế cháu N hiện nay đang sống anh C và cháu M hiện đang sống với chị T, việc nuôi dưỡng con mặc dù có sự thống nhất thỏa thuận của cha, mẹ về người trực tiếp nuôi, nhưng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”, như vậy đối với cháu N sinh ngày 26/10/2012 tính đến nay đã trên 09 tuổi và theo nguyện vọng của cháu N tại Bản khai ngày 07/6/2021 thì “ba với mẹ ly hôn con xin ở với ba”, còn cháu M mới 03 tuổi, do đó việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và đồng ý giao cháu N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng cháu N và phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T chưa yêu cầu và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên chị T, anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận và không có nợ, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012992 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh C không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Trương Chí C.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Phùng Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Thị Diễm M, sinh ngày 24/02/2018 (hiện đang sống với chị T); anh Trương Chí C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Minh N, sinh ngày 26/10/2012 (theo nguyện vọng của cháu N, hiện đang sống với anh C); chị Phùng Thị T, anh Trương Chí C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Phùng Thị T chưa yêu cầu và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên chị Phùng Thị T, anh Trương Chí C chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận và không có nợ, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Phùng Thị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012992 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Phùng Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Trương Chí C không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn chị Phùng Thị T, bị đơn anh Trương Chí C đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách